

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 5 năm 2025
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Yến - Ông Nguyễn Thanh Liêm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều D - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2025/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 184/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thanh M, sinh năm 1972. Nơi cư trú: 312 L, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Hồng T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: 5 khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Thanh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Hồng T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên vào ngày 31/7/2014. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bất hòa, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên ông bà

sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 (hai) con chung Lê Hồng A, sinh năm 2003 đã thành niên và có khả năng lao động; Lê Phú C, sinh ngày 23/4/2009 hiện sống cùng gia đình với ông T, bà M. Cháu C có nguyện vọng sống cùng với ông T, nếu cha mẹ ly hôn. Bà M thống nhất theo nguyện vọng của con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết ông Lê Hồng T mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M. Phiên tòa được mở lần thứ hai, ông T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tổng đạt, niêm yết đúng quy định tại các Điều 171, 173, 175, 177 và 179 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thanh M được ly hôn ông Lê Hồng T.

- Về con chung: Con chung Lê Hồng A, sinh năm 2003 đã thành niên và có khả năng lao động. Giao con chung Lê Phú C, sinh ngày 23/4/2009 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu cấp dưỡng, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Ông T cư ngụ tại phường M, thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết

là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông T vắng mặt không có lý do, bà M không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Hồng T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà M và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thạnh, thành phố L nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà M trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bất hòa, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn, tình cảm bà dành cho ông T không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà M yêu cầu ly hôn ông T.

Quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt. Theo phiếu xác minh về tình trạng cư trú của người tham gia tố tụng tại Công an phường Mỹ Thạnh, thành phố L ngày 28/02/2025 thể hiện: Lê Hồng T, sinh năm 1972 có đăng ký thường trú tại khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do ông T vắng mặt, Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết nhưng ông T vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do bà M cung cấp; cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà M là ông T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong gia đình vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ vui buồn trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên bà M trình bày thời gian sống ly thân cả hai không có biện pháp hòa giải để níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Phiên tòa được mở lần thứ hai ông T tiếp tục vắng mặt là không có thiện chí đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thanh M được ly hôn ông Lê Hồng T.

[2.2]. Về con chung: Bà M và ông T có 02 (hai) con chung Lê Hồng A, sinh năm 2003 đã thành niên và có khả năng lao động; Lê Phú C, sinh ngày 23/4/2009 hiện sống cùng gia đình với ông T, bà M. Cháu C có nguyện vọng sống cùng với ông T, nếu cha mẹ ly hôn. Bà M thống nhất theo nguyện vọng của con chung được sống với ông T, bà không tranh chấp quyền nuôi con. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con

chung sau ly hôn theo nguyện vọng của cháu C, Hội đồng xét xử giao con chung Lê Phú C cho ông T được chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Ông T không có ý kiến về con chung, cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông T phải tạo điều kiện cho bà M được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông T, bà M được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết. Ông T không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thanh M được ly hôn ông Lê Hồng T.

Về con chung: Ông T và bà M có 02 (hai) con chung Lê Hồng A, sinh năm 2003 đã thành niên và có khả năng lao động; Lê Phú C, sinh ngày 23/4/2009.

Ông T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Phú C.

Bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông T không yêu cầu.

Ông T phải tạo điều kiện cho bà M thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông T, bà M được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Đinh Thanh M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002350, ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

Quyền kháng cáo:

Bà M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông T không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị H

